

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2017/DS-ST

Ngày: 29-8-2017

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Loan

2. Ông Nguyễn Văn Tập

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Thanh Điền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hoàng Danh – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 29 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 19/2017/TLST- DS ngày 16 tháng 3 năm 2017 về “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2017/QĐXX-ST, ngày 11 tháng 8 năm 2017 giữa:

1. Nguyên đơn:

1.1 Anh Đào Trường Gi, sinh năm 1979 (Có mặt)

1.2. Chị Nguyễn Thanh M, sinh năm 1980 (Có mặt)

Cùng cư trú: Tổ 06, ấp TL, xã T, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Bà Võ Thị T, sinh năm 1966 Nơi cư trú: Số 526, tổ 10, ấp TM, xã T, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản khai ngày 09/3/2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn anh G, chị M trình bày:

Ngày 27/11/2016 bà Võ Thị T có thỏa thuận vay của anh G, chị M số tiền 210.000.000 đồng, lãi suất là 2%/ tháng thời hạn vay là 01 tháng, đôi bên có lập tờ mượn tiền ngày 27/11/2016 do bà T viết tay (bà T tự tay viết hai bản lý do bản đầu tiên không có ghi giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh G, chị M giữ nên viết thêm tờ thứ hai). Đồng thời, bà T có giao bảo sao giấy chứng minh nhân dân của bà T và bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 493, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.790m² loại đất thổ do bà Võ Thị T đứng tên quyền sử dụng đất (Bà T được Văn phòng đăng ký QSD đất chính mặt bốn ngày 18/01/2011), nguồn gốc đất là bà T nhận thừa kế từ chồng bà T ông Trương Văn T cho anh G và chị M giữ để làm tin cho việc trả nợ của bà T.

Thực hiện theo thỏa thuận anh G, chị M đã giao cho bà T số tiền 210 triệu đồng. Tuy nhiên, từ lúc bà T nhận tiền xong cho đến khi đến hạn thanh toán tiền cho anh G, chị M thì bà T không trả vốn gốc là 210 triệu đồng và tiền lãi phát sinh trên vốn gốc như thỏa thuận. Anh G, chị M nhiều lần đến nhà bà T yêu cầu thanh toán số tiền trên nhưng bà T cố tình trốn tránh không trả nợ. Do đó, anh G, chị M khởi kiện bà T yêu cầu bà T trả cho anh chị số tiền vốn gốc là 210.000.000 đồng và lãi suất phát sinh từ ngày 27/11/2016 đến ngày 29/8/2017 là 9 tháng với mức lãi suất 1%/tháng bằng số tiền 18.900.000 đồng. Sau khi bà T thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ số tiền nêu trên thì anh G, chị M sẽ giao trả lại cho bà T bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 493, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.790m² loại đất thổ tọa lạc ấp TM, xã T, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long do bà Võ Thị T đứng tên quyền sử dụng đất và 01 bản sao giấy chứng minh nhân dân tên Võ Thị T.

Bị đơn bà Võ Thị T từ khi thụ lý vụ án đến ngày xét xử sơ thẩm bà T hoàn toàn không có ý kiến hay văn bản gì gửi cho Tòa án.

Tại phiên tòa vị Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền nghĩa vụ đúng theo quy định pháp luật tố tụng. Tuy nhiên, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định: Áp dụng Điều 26, 35, 262 Bộ luật tố tụng Dân sự, áp dụng các Điều 471, 474 và 476, 478 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; áp dụng Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đào Trường G và chị Nguyễn Thanh M đối với bà Võ Thị T. Buộc bà Võ Thị T có trách nhiệm trả cho anh Đào Trường G và chị Nguyễn Thanh M số tiền vốn gốc và lãi là 228.900.000 đồng.

- Ghi nhận sự tự nguyện của anh Đào Trường G và chị Nguyễn Thanh M trả lại cho bà Võ Thị T bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 493, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.790m² loại đất thổ tạc ấp TM, xã T, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long do bà Võ Thị T đứng tên quyền sử dụng đất và 01 bản sao giấy chứng minh nhân dân tên Võ Thị T.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Võ Thị T phải nộp số tiền 11.445.000 đồng. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Đào Trường G và chị Nguyễn Thanh M có đơn khởi kiện bà Võ Thị T sinh năm 1966 nơi cư trú số 526, tổ 10, ấp TM, xã T, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T trả số tiền vay theo tờ mượn tiền ngày 27/11/2016. Do đó, căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Tại tờ mượn tiền được bà T viết và ký tên ngày 27/11/2016 (bút lục 04,05) đã ghi rõ địa chỉ của bà Tám khi vay tiền tại số 526, tổ 10, ấp TM, xã T, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long; hiện bà Võ Thị T đi nơi khác không thông báo cho anh G, chị M và Tòa án nhân dân huyện Bình Tân về địa chỉ mới hiện nay nên được xem là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ. Anh G, chị M khởi kiện bị đơn theo địa chỉ trong tờ mượn tiền, cũng như địa chỉ đăng ký thường trú của bà T là đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Xét bà Võ Thị T đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, được triệu tập họp lệ dự phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải vào các ngày 11/4/2017, ngày 27/4/2017 và ngày 20/6/2017 nhưng vắng mặt nên thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được, được quy định tại Khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015. Đồng thời, bà Tám được triệu tập họp lệ dự phiên tòa vào các ngày 21/7/2017, ngày 11/8/2017 và ngày 29/8/2017 nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt bị đơn là đảm bảo đúng quy định tại Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn theo chứng cứ là tờ mượn tiền, sổ tiền vay thể hiện đúng nội dung, có tên và chữ ký tên của bà Võ Thị T với nội dung vay số tiền 210.000.000 đồng từ vợ chồng anh G, chị M vào ngày 27/11/2016, thời hạn vay 01 tháng tính từ ngày 27/11/2016, để làm tin cho việc bà T trả số tiền vay thì bà T có giao cho phía nguyên đơn giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 493, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.790m² loại đất thổ tạc lạc ấp T M, xã T, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long do bà Võ Thị T đứng tên quyền sử dụng đất (Bà T được Văn phòng đăng ký QSD đất chính mặt bốn ngày 18/01/2011) và 01 bản sao giấy chứng minh nhân dân tên Võ Thị T, cho nên sự việc bà Võ Thị T có vay tiền của anh G, chị M số tiền 210 triệu đồng là có căn cứ. Mặt khác, theo nguyên đơn trình bày trước khi khởi kiện bà T nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bà T trả số tiền nợ 210.000.000 đồng nhưng bà T không trả mà cố tình trốn tránh, Tòa án nhân huyện Bình Tân đã thông báo hợp lệ về việc công khai chứng cứ là tờ mượn tiền do nguyên đơn xuất trình, đến tại phiên tòa hôm nay Tòa án nhân dân huyện Bình Tân cũng chưa nhận được chứng cứ nào thể hiện bị đơn phản đối chứng cứ do nguyên đơn đưa ra nên tờ mượn tiền tại bút lục số 04, 05 được xem là tình tiết, văn bản mà nguyên đơn không phải chứng minh, được quy định tại Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, vì vậy anh G, chị M yêu cầu bà Võ Thị T trả số tiền nợ vốn gốc là 210 triệu đồng là có căn cứ được chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu của anh G, chị M yêu cầu bà Võ Thị T phải thanh toán số tiền lãi tính từ ngày 27/11/2016 đến ngày 29/8/2017 là 9 tháng với mức lãi suất 1%/tháng phát sinh trên vốn gốc là 210 triệu đồng bằng số tiền 18.900.000 đồng là có cơ sở. Bởi vì, căn cứ tờ mượn tiền ngày 27/11/2016 thì giữa nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận vay tiền có lãi suất (2%/tháng) cho nên bà T phải có trách nhiệm trả lãi suất phát sinh trên số tiền vốn gốc cho nguyên đơn. Xét về mức lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu thì thời điểm bà T vi phạm nghĩa vụ là 28/12/2016 nên căn cứ Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 và Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam, Công văn số 244/TANDTC-KHXX ngày 05/11/2012 của Tòa án nhân dân tối cao thì mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9%/năm cho nên việc anh Giang, chị Muội yêu cầu lãi suất 1%/tháng là không vượt 150% lãi suất cơ bản (1,3%/tháng) và có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận. Cụ thể bà Võ Thị T phải trả cho anh G, chị M số tiền lãi là: 210.000.000 đồng x 1% x 9 tháng = 18.900.000 đồng. Vậy bà Võ Thị T có trách nhiệm trả cho anh G, chị M số tiền vốn gốc và lãi là 228.900.000 đồng. (Hai trăm hai mươi tám triệu chín trăm nghìn đồng).

[5] Ghi nhận sự tự nguyện của anh Đào Trường G và chị Nguyễn Thanh M trả lại cho bà Võ Thị T bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 493, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.790m² loại đất thổ tạc lạc ấp TM, xã T, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long do bà Võ Thị T đứng tên quyền sử dụng đất (Bà T được

Văn phòng đăng ký QSD đất điều chỉnh mặt bốn ngày 18/01/2011) và 01 bản sao giấy chứng minh nhân dân tên Võ Thị T.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Võ Thị T phải nộp án phí là 228.900.000 đồng x 5% = 11.445.000 đồng. Anh G, chị M không phải nộp án phí nên hoàn lại số tiền tạm ứng án phí cho anh G, chị M.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 471, 474, 476 và Điều 478 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đào Trường G và chị Nguyễn Thanh M đối với bà Võ Thị T.

2. Buộc bà Võ Thị T phải trả cho anh Đào Trường G và chị Nguyễn Thanh M số tiền vốn gốc và lãi là 228.900.000đ (Hai trăm hai mươi tám triệu chín trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án làm đơn yêu cầu thi hành án, mà bên phải thi hành án chưa tự nguyện thi hành án xong, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Đào Trường G và chị Nguyễn Thanh M trả lại cho bà Võ Thị T bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 493, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.790m² loại đất thổ tạc lạc ấp TM, xã T, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long do bà Võ Thị T đứng tên quyền sử dụng đất (Bà T được Văn phòng đăng ký QSD đất điều chỉnh mặt bốn ngày 18/01/2011) và 01 bản sao giấy chứng minh nhân dân tên Võ Thị T.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Buộc bà Võ Thị T phải nộp 11.445.000đ (Mười một triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Hoàn trả anh Đào Trường G và chị Nguyễn Thanh M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.460.000đồng (Năm triệu bốn trăm sáu chục nghìn đồng) theo biên lai thu số: 0011659 ngày 16/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Án xử công khai nguyên đơn có mặt có tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng bị đơn bà T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND. Tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND.H Bình Tân;
- Chi cục THADS.H Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Hồng Diễm